

TSKH. Trần Văn Thanh¹, ThS. Vũ Bạch Linh¹, ThS. Trần Đức Hiệp²

¹*Trường Đại học Hòa Bình*

²*Đại học Tổng hợp, Sungkyunkwan Hàn Quốc*

Tác giả liên hệ: Dr.tranvanthanh40@gmail.com

Ngày nhận: 27/11/2023

Ngày nhận bản sửa: 28/11/2023

Ngày duyệt đăng: 21/12/2023

Tóm tắt

Bệnh ung thư là một trong những bệnh hiểm nghèo nguy hiểm nhất hiện nay, chúng ta phải nghiên cứu tìm ra các cây thuốc có các hoạt chất, có tác dụng kìm hãm, hỗ trợ và tiêu diệt tế bào ung thư, cứu nhân dân Việt Nam và nhân loại trên toàn thế giới khỏi bệnh ung thư quái ác này. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu ba thảo dược: Dừa cạn, thông đỏ và năng hoa trắng.

Từ khóa: Bệnh ung thư, Alcaloid, Flavonoid, Saponin, Polysaccharid, Anthranoid, Tanin (polyphenol), Diterpen glycosid.

The Use of Vietnamese Medicinal Herbs in Cancer Treatment

Dr. Tran Van Thanh¹, MA. Vu Bach Linh¹, MA. Tran Duc Hiep²

¹*Hoa Binh University*

²*Sungkyunkwan University*

Corresponding Author: Dr.tranvanthanh40@gmail.com

Abstract

Cancer is one of the most perilous diseases in existence, necessitating research into medicinal plants with active compounds that exhibit inhibitory, supportive, and cytotoxic effects on cancer cells. This pursuit aims to save the Vietnamese people and humanity worldwide from this malevolent disease. In this article, we explore three herbal remedies (*Catharantus roseus*, *Taxus wallechiana*, *Crinum asiaticum*).

Keywords: Cancer, Alcaloid, Flavonoid, Saponin, Polysaccharid, Anthranoid, Tanin (polyphenol), Diterpenoid glycosid. *Vinca rosa*, *Cathasantus roseus*, *Crinum asiaticum* L., *Taxus wallichiana* Zucc.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, bệnh ung thư là một trong những bệnh nan y, ít lựa chọn trong điều trị, tỷ lệ tử vong cao. Các chế phẩm phòng và điều trị ung thư còn rất hiếm, nhiều tác dụng phụ trong điều trị với các

hoạt chất mạnh. Mục tiêu cơ bản của điều trị ung thư: nâng cao chất lượng sống và kéo dài thời gian sống dài nhất cho bệnh nhân.

Theo số liệu của Tổ chức Y tế thế giới (International Agency for Research

on Cancer, IARC) thì năm 2002, trên toàn thế giới, ước tính có khoảng 10,9 triệu người mắc bệnh ung thư và tỷ lệ người mắc ung thư phổi là cao nhất (1,35 triệu người). Ở Việt Nam, theo thông tin từ Hội Ung bướu Việt Nam, mỗi năm nước ta có khoảng 100 - 150 ngàn bệnh nhân ung thư và từ 50 - 70 ngàn người tử vong, nhiều cái chết rất thương tâm. Bệnh ung thư đã trở thành mối đe dọa cho sức khỏe của cộng đồng, cũng như ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội Việt Nam.

Việc nghiên cứu tìm ra các thuốc có khả năng điều trị bệnh ung thư, cũng như ngăn cản sự phát triển của tế bào ung thư, làm tăng tuổi thọ cho bệnh nhân, luôn được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu. Nhiều thế kỷ qua, các nhà khoa học trên thế giới đã nghiên cứu sàng lọc từ khoảng 3.500 cây cỏ, trong đó, có nhiều cây cỏ được công nhận là có đặc tính chống ung thư. Các hoạt chất chống ung thư có nguồn gốc tự nhiên đã đ-ược khám phá và đưa vào sử dụng trên lâm sàng. Các hoạt chất điển hình là podophyllotoxin và các hợp chất lignan từ các cây *Podophyllum peltatum*; hợp chất taxan,... (taxol - paclitaxel) nguồn gốc chiết xuất từ cây thông đỏ, dừa cạn (Vincristin, vincalcalcin), v.v..

2. Các thảo dược có tác dụng hỗ trợ, điều trị các bệnh ung thư

Từ xa xưa, ông cha chúng ta đã biết chữa bệnh “u bướu” bằng cây cỏ. Cụm từ “u bướu” có thể là mụn nhọt độc thông thường do vi khuẩn gây ra, có thể là ung thư do tế bào bất thường, tế bào ác tính gây ra (vì thời kỳ đó, các cụ chưa hiểu thế nào là tế bào, thế nào là tế bào bất thường, tế bào ác tính, tế bào ung thư...

Các cụ cứ gặp có người bệnh có hạch, sưng lên, có thể đã bị loét rồi, người ta lấy cây cỏ về chữa bằng cách giã nát, cho thêm một ít muối hoặc không, đắp vào chỗ bị bệnh, hoặc sắc nước cho bệnh nhân uống. Có bệnh nhân không thấy đỡ bệnh, có bệnh nhân thấy khó chịu, tức là, thuốc có tác dụng bất lợi; có bệnh nhân thấy dễ chịu, tức là, thuốc có tác dụng có lợi, có bệnh nhân khỏi bệnh. Cứ như thế, từ người này truyền cho người kia, đời trước truyền cho đời sau v.v. các cây thuốc quý, bài thuốc quý chữa bệnh “u bướu”.

Sau này, nhờ có khoa học phát triển, các nhà khoa học mới tìm ra được bệnh ung thư (ung bướu), các hoạt chất có tác dụng điều trị và hỗ trợ điều trị bệnh ung thư. Chúng tôi tham khảo, biên soạn tài liệu này từ các tài liệu trong và ngoài nước viết về các cây thuốc, vị thuốc, bài thuốc có tác dụng đến tế bào ung thư: hỗ trợ, ngăn cản không cho hình thành tế bào ung thư, không cho tạo thành mạch máu nuôi tế bào ung thư, không cho tế bào ung thư phát triển, diệt tế bào ung thư, làm cho tế bào ung thư chết theo chương trình, v.v.. Các tác dụng này, do nhiều nguyên nhân, nhiều cơ chế, nhưng một trong những cơ chế quan trọng là dựa vào cơ chế chống oxy hóa, dọn gốc tự do trong cơ thể (một trong những nguyên nhân gây bệnh ung thư và nhiều bệnh khác như: đái tháo đường, tim, gam, mật,...). Hy vọng các nhà khoa học, những người say mê nghiên cứu, kể cả bệnh nhân, nghiên cứu, tìm ra các cây thuốc, vị thuốc, bài thuốc có tác dụng hỗ trợ hay điều trị bệnh ung thư quái ác, cứu loài người khỏi bệnh ung thư, hay ít nhất cũng chữa khỏi bệnh ung thư cho nhiều người. Trong khi đó, trong thiên nhiên,

nhất định có các cây thuốc, vị thuốc, bài thuốc chữa được các bệnh đó, kể cả bệnh ung thư. Thuật ngữ “Dược liệu” là cây thuốc, vị thuốc, động vật và khoáng vật làm thuốc. Dược liệu đó ở đâu, tên là gì? Chúng ta phải tập trung nghiên cứu, phát hiện chúng. Hiện nay, chúng ta đã tìm thấy cây dừa cạn (*catharanthus roseus*) có chất “Vincleucoblastin, vincristin” chữa ung thư máu; cây thông đỏ (*Taxus wallichiana*, v.v.) có các chất “Taxan” hay chất trung gian để bán tổng hợp ra chất “Taxol” (Paclitaxel) và nhiều dược liệu khác có tác dụng hỗ trợ và điều trị khỏi bệnh ung thư.

Nhiều người dùng cây cỏ để chữa ung thư, nói chung, chỉ đỡ bệnh, không khỏi, nhưng có một số người khỏi bệnh ung thư. Điều đó có thể đúng, vì: có thể trong cây thuốc đó có chất tác dụng với tế bào ung thư, kìm hãm không cho tế bào ung thư phát triển, làm cho tế bào ung thư non chết đi, tế bào ung thư già chết theo chương trình, thế là khỏi bệnh ung thư. Hay trong cây thuốc đó có các chất chống oxy hóa (dọn gốc tự do), vì gốc tự do này làm mất thông tin bình thường của tế bào, tế bào bị đột biến, sinh ra các tế bào một cách vô tổ chức, cơ thể không kiểm soát được, nó tạo thành khối u ác tính, tức là, bị ung thư; khi cơ thể dọn hết gốc tự do độc hại, tế bào trở lại hoạt động bình thường, tức là khỏi bệnh ung thư. Do vậy, trong khi chờ các nhà nghiên cứu, thì chúng ta có thể chữa bệnh ung thư theo chỉ dẫn của các bác sĩ chuyên khoa và kết hợp dùng các thảo dược (dược liệu) có các chất có tác dụng trên tế bào ung thư đã được công bố.

Các hoạt chất chống ung thư có nguồn gốc tự nhiên đã được khám phá và

đưa vào sử dụng trên lâm sàng. Các hoạt chất điển hình là podophyllotoxin và các hợp chất lignan từ các cây *Podophyllum peltatum*; hợp chất taxan... (taxol - paclitaxel) nguồn gốc chiết xuất từ cây thông đỏ (*Taxus wallichiana* Zucc.); vinblastin, vincristin chiết xuất từ cây dừa cạn (*Catharanthus roseus* Don),... và rất nhiều cây cỏ đó được chứng minh có tác dụng chống ung thư.

Việt Nam là nước nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, có khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều nên có nguồn động, thực vật đa dạng và phong phú. Có rất nhiều loài cây cỏ được sử dụng là nguồn dược liệu quý. Có nhiều cây cỏ và hoạt chất được chiết xuất ra từ chúng có tác dụng điều trị và hỗ trợ điều trị ung thư cũng như ngăn chặn sự phát triển của khối u. Đó là: trinh nữ hoàng cung (*Crinum latifolium* L.) thuộc họ Thủy tiên (Amaryllidace), nấm linh chi (*Ganoderma lucidum*) thuộc họ Nấm lim (Ganodermataceae), đu đủ (*Carica papaya* L.) thuộc họ Đu đủ (Papayaceae), ớt (Capsaicin) thuộc họ Cà (Solanaceae), các loài *Phyllanthus amarus*, *Annona muricata*,... cũng có tác dụng với tế bào ung thư.

Trong bài viết này, chúng tôi đã tập hợp được khoảng 277 - 280... cây thuốc và vị thuốc có tác dụng trên tế bào ung thư, hy vọng còn nhiều dược liệu khác có tác dụng như trên.

Ngoài ra, trong hệ sinh thái vẫn còn nhiều loài thực vật có tác dụng hỗ trợ điều trị và ngăn chặn sự phát triển của ung thư vẫn chưa được con người khám phá và tìm ra.

Để nghiên cứu, thu thập các cây thuốc, các vị thuốc có tác dụng điều trị, hỗ trợ điều trị bệnh ung thư, tiêu đường,

các bệnh gan... và các nhà khoa học tiếp tục nghiên cứu các thuốc trên, hy vọng tìm ra được các cây thuốc, vị thuốc và các hoạt chất có tác dụng chữa các bệnh ung thư cho nhân dân Việt Nam và nhân loại trên toàn thế giới.

2.1. Dừa cạn

2.1.1. Giới thiệu tổng quan

Tên gọi khác: Trường xuân hoa, Bông dừa (Ảnh 1).

Tên khoa học: *Catharanthus roseus* (L.) G. Don (Syn *Vinca rosa* L.).

Họ Trúc đào (Apocynaceae).

Đặc điểm thực vật: Dừa cạn là cây thân thảo hoặc cây bụi nhỏ, phân cành nhiều. Các lá có dạng hình trứng hay thuôn dài, kích thước lá 2,5 - 9cm về chiều dài và rộng 1 đến 3,5cm, xanh bóng, không lông, với gân lá nhạt màu hơn và lá ngắn (1 - 1,8cm), mọc thành các cặp đối. Hoa có màu trắng tới hồng sẫm và phần tâm có màu đỏ hơn. Quả đại - là một cặp dài, hạt nhỏ, màu đen, nâu nhạt, hình trứng (xem Ảnh 1).



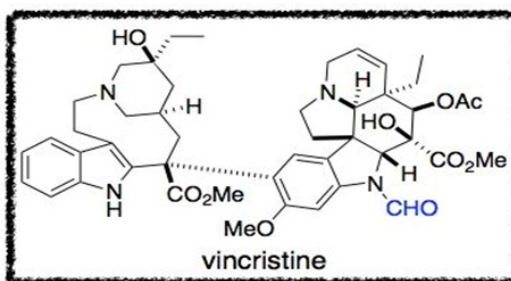
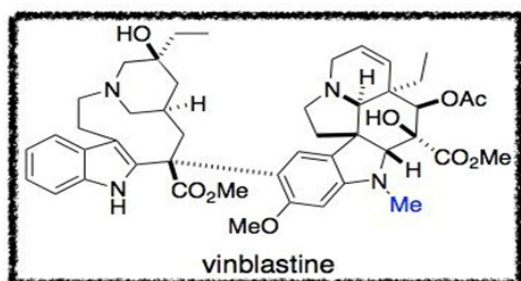
Ảnh 1. Cây dừa cạn

Phân bố: Phần lớn cây mọc hoang và được trồng ở các vùng nhiệt đới nóng như Việt Nam, Ấn Độ, Trung Quốc, Srilanka, Thái Lan, Philipin...

Bộ phận dùng: Lá, rễ

Thành phần hóa học:

- Alcaloid (1%) gồm trên 70 hoạt chất khác nhau.
- Chủ yếu là vinblastin (vincaleucoblastin), vincristin (leucocristin) chiết từ lá dừa cạn dưới dạng muối sulfat - chế phẩm tiêm để điều trị ung thư máu, hiện tại đang mở rộng tác dụng được lý sang một số tế bào ung thư khác như K phổi, K đại tràng...



Ngoài ra, còn có những alkaloid nhân Indol: catharantin, ajmalicin (tetrahydroserpentin, raubasin), perosin, perivin, peviridin; alkaloid nhân indolin: vindolin, ajmalin.

2.1.2. Tác dụng, công dụng, cách dùng và liều dùng

- Tác dụng chống ung thư

Vinblastin và Vincristin có tác dụng chống ung thư do cơ chế kết hợp với

protein tubulin và ngăn cản sự kết hợp của những vi cấu trúc hình ống, có ở trong chất cơ bản của bào tương của nhiều tế bào di động. Vinblastin chống ung thư do tác động đối với chuyển hóa của glutamat và aspartat, còn vincristin là do nó ngăn cản sự tổng hợp RNA và các protein. Đặc biệt, có tác dụng chống ung thư bạch cầu - K máu.

Ajmalicin trong rễ cây dừa cạn còn

có tác dụng tốt để chữa bệnh do giảm tuần hoàn não, biểu hiện, như: xơ cứng mạch máu não, chóng mặt, ù tai, nhức đầu, mất ngủ, thiếu máu cục bộ và hội chứng sau đột quỵ, v.v..

- Cao chiết xuất từ lá dứa cạn có tác dụng làm hạ huyết áp.

Bài thuốc: Lá dứa cạn khô 40g, vỏ nhỏ, sắc nước uống. Hoặc dùng Vincaläuboblastin (theo chỉ dẫn của bác sỹ) đối với bệnh bạch cầu lympho.

Bệnh bạch cầu lympho là một bệnh ác tính, có ảnh hưởng đến tế bào bạch cầu chưa trưởng thành từ tủy xương, nó cản trở việc sản xuất tế bào máu bình thường. Trẻ em bị bệnh này thường xuyên bị thiếu máu, nhiễm trùng tái đi, tái lại, dễ bị các vết bầm tím, chảy máu, vì tủy xương không sản xuất đủ các tế bào hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.

+ Nguyên nhân gây bệnh: Rất khó xác định nguyên nhân một cách chính xác, nhưng có một số yếu tố nguy cơ gây tổn hại gen dẫn đến sự phát triển ung thư bạch cầu cấp lympho như: do nhiễm trùng kéo dài hay phản ứng bất thường của hệ thống miễn dịch, do bức xạ ion hóa, các yếu tố di truyền và mắc bệnh Down, v.v..

+ Các triệu chứng: Thiếu máu do giảm số lượng hồng cầu; dễ mệt mỏi, trông nhợt nhạt; hay bầm tím, hay chảy máu bởi sự giảm số lượng tiểu cầu; bị nhiễm trùng thường xuyên và kéo dài do không có đủ tế bào bạch cầu trưởng thành để chống nhiễm trùng; đau xương và khớp; các biểu hiện khác: các hạch bạch huyết bị sưng lên, chán ăn, giảm cân, đau ngực và khó chịu ở bụng.

2.2. Thông đở

2.2.1. Giới thiệu tổng quan

Tên gọi khác: Hồng đậu sam (Ảnh 2).

Tên khoa học: *Taxus wallichiana*

Zucc là thông đỏ lá dài; (*T. yunnanensis* W. C. Cheng; *T. chinensis* (Pilger) Rehder là thông đỏ lá ngắn, *T. cuspidata* var. *chinensis* (Pilger) Rehder and Wilson) cũng được dùng và cùng công dụng.

Họ Thanh tùng (Taxaceae).

Đặc điểm thực vật: Thông đỏ là cây to, thường xanh, cao tới 20m. Thân có vỏ màu hồng xám, phân nhiều cành mảnh, khi non màu lục; lá mọc so le, thường xếp hai dãy như một lá kép, hình dải rất hẹp, đáng cong, dài 2,5 - 3,5 cm, rộng 2 - 3 mm, gốc thuôn, đầu nhọn, mặt trên lốm như lông thuyền, mặt dưới có hai dãy lỗ khí. Cụm hoa đơn tính, khác gốc, nón đực và nón cái mọc ở kẽ lá. Quả hình trứng, vỏ cứng, có hạt được bao bọc bởi áo màu đỏ.

Phân bố: Trên thế giới, chi *Taxus* L. có 6 - 7 loài phân bố rải rác ở vùng ôn đới ẩm, cận nhiệt đới và nhiệt đới núi cao ở bắc bán cầu. Trong đó, có 3 loài ở Trung và Đông Á, 3 - 4 loài ở phía Bắc Mỹ và 2 loài ở Việt Nam: (1) *Taxus wallichiana* Zucc (Thông đỏ lá dài), có ở Nê - Pan (Vùng núi Himalaya); Đông Nam Trung Quốc, Ấn độ, Indonesia, Philippin và Việt Nam (ở vùng núi Lào Cai (dãy núi cao Hoàng Liên Sơn); Khánh Hòa, Lâm Đồng (Đà Lạt, Đơn Dương), Hà Giang: Thái An (Quản Bạ), ở độ cao 1400 - 1600m; (2) *Taxus chinensis* (Pilger) Rehder (Thông đỏ lá ngắn), phân bố ở Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia và Việt Nam (ở vùng núi Lào Cai: Hoàng Liên Sơn; Hà Nội: Ba Vì; Nghệ An: Quỳnh Châu; Hòa Bình: Mai Châu ở độ cao 900 - 1600m).

Cả hai loài thông đỏ của Việt Nam là những cây gỗ cỡ trung bình, mọc rải rác trong kiểu rừng kín thường xanh ẩm, trên đỉnh núi đá vôi hay granit. Chúng được coi là nhóm cây khó ưa từ, chịu bóng hoặc

hơi ưa bóng, thường mọc dưới bóng một số bóng cây gỗ thuộc các họ: Lauraceae, Magnoliaceae, Fabaceae, Iliciaceae. Thông đỏ thường ra lá non vào mùa xuân - hè, nón đực xuất hiện sớm hơn nón cái từ cuối mùa đông, nhưng đến giữa mùa đông năm sau, cả nón đực và nón cái mới nở. Thông đỏ sinh trưởng rất chậm, tái sinh tự nhiên từ quả khô. Tuy vậy, nếu trên đỉnh núi cao có vài cây to cũng có thể tìm thấy những cây con mọc từ hạt. Hiện nay, chúng ta có thể nhân giống thông đỏ bằng cành.

Thông đỏ đã được đưa vào sách đỏ của Việt Nam và thế giới.

Bộ phận dùng: Cành và lá.



Ảnh 2. Cây thông đỏ

Thành phần hóa học: Trong lá một số thông đỏ, có chứa các dẫn chất của Taxan:

Taxa 4 (20) 11 dien - 5 α - 9 α - 10 α - 13 α tetraol tetra acetat (I)

Taxa 4 (20) 11 dien - 5 α - 9 α - 10 β - 13 α tetraol 9 α , 10 β diacetat (II)

Taxa 4 (20) 11 dien - 2 α - 5 α - 9 α - 10 β - 13 α pentaol penta acetat (III)

Taxa 4 (20) 11 dien - 5 α - 7 β - 9 α - 10 β - 13 α pentaol penta acetat (IV)

Taxa 4(20) dien 2 α - 5 α - 7 β - 9 α - 10 β - 13 α hexaol hexa acetat (V)

Taxa 4 (20) dien 2 α - 5 α - 7 β - 10 β - tetraol - 5 α - 7 β - 10 β triacetate - 2 α - methyl butyryrat (VI)

Taxa 4 (20) dien 2 α - 5 α - 7 β - 9 α -

10 β - pentaol 7 β - 9 α - 10 β triacetate 2 α - methyl butyryrat (VII)

Taxin có nhiều dẫn chất...

Taxol và các chất: 10 deacetyl baccatin III., brevifolliol, 13 deacetyl baccatin VI, v.v.

Taxoid walifolliol, một chất nhựa lignin...

Phenolic glucosid: taxosid

Flavonoid và biflavonoid và các chất trong lá, quả, gỗ và vỏ rễ thông đỏ đã được chiết, tách và xác định cấu trúc.

2.2.2. Tác dụng, công dụng, cách dùng và liều dùng

Taxol (Paclitaxel) trong một số loài thông đỏ của Việt Nam và thế giới có tác dụng chống ung thư nhóm Taxan (Biệt dược Anzatax), chống vi cấu trúc hình ống. Thuốc có tác dụng làm tăng sự lắp ráp các vi cấu trúc hình ống bằng cách làm tăng sự trùng hợp của Tubulin (là phần đơn vị protein của vi cấu trúc hình ống của thoi, ngay cả khi không có cấu trúc trung gian thường cần thiết cho sự lắp ráp các vi cấu trúc hình ống. Ví dụ: Guanosin triphosphate (GTP) và bằng cách đó tạo thành các vi cấu trúc hình ống bền vững, không có chức năng sinh học... Paclitaxel gây rối loạn cân bằng động lực bên trong hệ thống vi cấu trúc hình ống và phong bế các tế bào ở giai đoạn muộn G2 và giai đoạn M của chu kỳ tế bào, ức chế sự sao chép tế bào và làm suy giảm chức năng mô thần kinh. Paclitaxel (Taxol) được dùng để điều trị ung thư buồng trứng và ung thư vú di căn, sau khi không đạt kết quả của phương pháp điều trị chuẩn. Tất cả bệnh nhân phải được điều trị trước bằng một số thuốc trước khi dùng Paclitaxel để dự phòng những phản ứng quá mẫn cảm.

Để điều trị ung thư buồng trứng di căn, nên dùng Paclitaxel là thuốc duy nhất với liều 175mg/m². Cách dùng là

tiêm truyền tĩnh mạch trong 3 giờ. Tiêm truyền nhắc lại cứ 3 tuần 1 lần, nếu thuốc được dung nạp. Các bệnh nhân đã dung nạp được 9 chu kỳ điều trị với paclitaxel, nhưng vẫn còn phải xác định tiến trình điều trị tối ưu. Không được nhắc lại tiến trình điều trị với paclitaxel cho đến khi số đếm bạch cầu trung tính tối thiểu là 1500 tế bào/ mm^3 . Số đếm tiểu cầu tối thiểu là 100.000 tế bào/ mm^3 . Nếu có giảm bạch cầu trung tính nặng hay thần kinh ngoại biên là nặng trong khi điều trị với paclitaxel, liều paclitaxel trong những đợt điều trị sau phải giảm 20%. Không được dùng paclitaxel cho những bệnh nhân đã thể hiện phản ứng quá mẫn với paclitaxel và bệnh nhân có giảm bạch cầu trung tính nặng.

Những hậu quả của việc dùng quá liều paclitaxel là viêm niêm mạc, phong bế tủy xương nặng và độc hại thần kinh ngoại biên. Hiện nay, chưa có liệu pháp điều trị quá liều paclitaxel và điều trị nâng đỡ là chủ yếu. Những tác dụng không mong muốn xảy ra khi dùng paclitaxel là những phản ứng quá mẫn nặng, ức chế tủy xương, giảm bạch cầu trung tính, giảm tiểu cầu, chảy máu, thiếu máu, nhiễm khuẩn, bệnh thần kinh ngoại biên, hạ huyết áp, nhịp tim chậm, đau khớp, đau cơ, rối loạn tiêu hóa. Paclitaxel tương tác với ciplastin và ketoconazole. Việc dùng ciplastin trước khi điều trị với paclitaxel gây ức chế tủy xương nhiều hơn là khi dùng paclitaxel trước ciplastin. Vì ketoconazol có thể ức chế chuyển hóa của paclitaxel, không nên dùng phối hợp hai thuốc này. Cần thận trọng khi dùng đồng thời paclitaxel và các thuốc được chuyển hóa trong gan, vì các thuốc này có thể ức chế chuyển hóa của paclitaxel.

Paclitaxel (taxol) được dùng để điều trị ung thư buồng trứng, ung thư vú di căn, sau khi dùng phương pháp chuẩn không đạt. Tất cả các bệnh nhân đều phải được điều trị trước bằng một số thuốc khác trước khi dùng paclitaxel để dự phòng các phản ứng quá mẫn. Trước mỗi chu kỳ điều trị, phải điều trị trước bằng dexamethazon 20 mg, uống 12 giờ và 6 giờ trước khi bắt đầu tiêm truyền paclitaxel; diphenhydramin 50 mg hay promethazin 25 - 50 mg tiêm tĩnh mạch 30 phút trước khi tiêm truyền paclitaxel; cimetidin 300 mg hay ranitidin 50 mg tiêm truyền tĩnh mạch trong 15 phút, bắt đầu 30 phút trước khi tiêm truyền paclitaxel.

Để điều trị ung thư buồng trứng di căn, nên dùng paclitaxel là thuốc duy nhất với liều $175 \text{ mg}/\text{cm}^2$, cách dùng là tiêm truyền tĩnh mạch trong 3 giờ. Tiêm truyền nhắc lại, cứ 3 tuần 1 lần, nếu thuốc được dung nạp. Các bệnh nhân đã dung nạp được tới 9 chu kỳ điều trị với paclitaxel, nhưng vẫn còn phải xác định tiến trình điều trị tối ưu. Không được nhắc lại một tiến trình điều trị với paclitaxel cho tới khi số đếm bạch cầu trung tính tối thiểu là 1500 tế bào/ mm^3 và số đếm tiểu cầu tối thiểu là 100.000 tế bào/ mm^3 , nếu có giảm bạch cầu trung tính nặng hay bệnh thần kinh ngoại biên nặng trong khi điều trị bằng paclitaxel, liều paclitaxel trong những đợt điều trị tiếp theo, cần phải giảm 20%. Không được dùng paclitaxel cho những bệnh nhân đã thể hiện phản ứng quá mẫn với paclitaxel và bệnh nhân có giảm bạch cầu trung tính nặng.

Thuốc có các phản ứng phụ, cần có bác sĩ theo dõi cẩn thận.

Cơ chế tác dụng: Taxol ức chế

sự phân rã mạng lưới, vì thế của thoi nhiễm sắc, kích thích quá trình ghép các dimer của vi ống thành mạng lưới vi thể bằng cách ngăn chặn quá trình tháo xoắn của chúng.

2.3. Náng hoa trắng

2.3.1. Giới thiệu tổng quan

Tên gọi khác: Đại tướng quân (Ảnh 3).

Tên khoa học: *Crinum asiaticum* L.

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae).

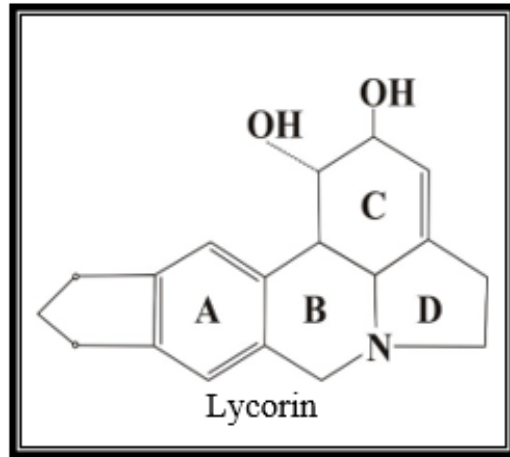
Đặc điểm thực vật: Náng hoa trắng là cao thảo cao 1m, có hành (giò) cỡ trung bình, hình trứng, đường kính 5 - 10cm. Lá mọc từ gốc, nhiều hình dải ngọn giáo, lõm, mép nguyên, dài tới hơn 1m, rộng 5 - 10 cm. Cụm hoa hình tán nằm ở đầu một cán đẹp dài 40 - 60cm, to bằng ngón tay. Hoa có ống mảnh, màu lục, các phần hoa giống nhau. Quả mọng hình tròn, thường chỉ có 1 hạt. Cây ra hoa vào mùa hè.

Bộ phận dùng: Lá, thân hành, rễ.



Ảnh 3. Cây náng hoa trắng

Thành phần hóa học: Các bộ phận của cây, nhất là lá và bẹ lá úp vào nhau (giống như củ hành) chứa lycorin và nhiều alcaloid khác. Rễ chứa alcaloid harcissin (lycorin), vitamin và các hợp chất kiềm có mùi hôi của tỏi. Hạt chứa lycorin và crinamin có tác dụng diệt tế bào ung thư (trên thực nghiệm).



Phân bố: Loài này phân bố từ Ấn Độ qua Indonesia tới đảo Molluc. Ở nước ta, cây mọc hoang dại ở những nơi ẩm, mát, cũng thường trồng làm cảnh.

2.3.2. Tác dụng, công dụng, cách dùng và liều dùng

- Một số alcaloid trong náng hoa trắng như: lycorin và crinamin có tác dụng diệt tế bào ung thư trong thực nghiệm.

- Náng hoa trắng có tác dụng: làm giảm khối u lành tính. Dùng để chữa phì đại tuyến tiền liệt, một số công dụng khác như: chữa thấp khớp, nhức mỏi, lá tươi giã, hơ nóng, đắp chỗ sưng, chữa bong gân, sai khớp, tụ máu do ngã. Lá khô sắc nước uống chữa trĩ.

- Liều dùng: ngày dùng 30 - 45g, dưới dạng thuốc sắc.

- Một chế phẩm có tên “Vương Bảo” có tác dụng làm giảm phì đại tiền liệt tuyến (trong đó có náng hoa trắng).

Một số chất khác có tác dụng phòng ngừa và điều trị ung thư tiền liệt tuyến:

- Resveratrol trong vỏ nho đỏ, chúng ngăn ngừa sự hấp thụ glutamin bằng các tế bào ung thư tiền liệt tuyến, ngăn ngừa sự phát triển khối u ở chuột. Hứa hẹn một chiến lược tự nhiên để phòng ngừa và điều trị ung thư tiền liệt tuyến.

- Thực phẩm có màu xanh, đỏ của flavonoid chống ung thư tiền liệt tuyến.

3. Kết luận

Bài viết đã nghiên cứu các nhóm hợp chất tự nhiên có tác dụng với tế bào ung thư, tham khảo nhiều thảo dược có tác dụng với tế bào ung thư, có tác dụng hỗ trợ, điều trị và diệt tế bào ung thư trong thực nghiệm và lâm sàng, hy vọng tìm ra các thảo dược điều trị bệnh ung thư, tăng cường miễn dịch, cứu

sống những bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo, đặc biệt là những bệnh nhân mắc bệnh ung thư sớm, các thảo dược đã được nghiên cứu: Dừa cạn, Thông đỏ, Náng hoa trắng; các thảo dược đều được xác định: Tên, họ Việt Nam, khoa học, đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng và liều dùng, đặc biệt là chống ung thư, đái tháo đường, v.v..

Tài liệu tham khảo

- Andersen O.M. (2006). *Flavonoids, Chemistry, Biochemistry and Applications*. CRC Press.
- Bộ Y tế (1970). *Cây thuốc Việt Nam*. NXB Y học.
- Võ Văn Chi (1997). *Từ điển Cây thuốc Việt Nam*. NXB Y học.
- Dược điển Việt Nam* (2017). Xuất bản lần thứ năm
- Phạm Hoàng Hộ (1999). *Cây cỏ Việt Nam*. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- Đỗ Tất Lợi (2004). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. NXB Y học.
- Mayer Gabriel - Alkaloides et glucosides. Pris Lioge.
- Nguyễn Viết Thân (2010). *Cây thuốc Việt Nam và những bài thuốc thường dùng*, Tập 1 - 4. NXB Y học.
- Ngô Văn Thu, Trần Hùng (2011). *Dược liệu học, tập I*, Sách đào tạo Dược sĩ đại học. NXB Y học.
- Ngô Văn Thu (1990). *Hóa học saponin*. Bài giảng Trường Đại học Y-Dược TP. Hồ Chí Minh.
- Viện Dược liệu (2006). *Cây thuốc và động vật làm thuốc T1, T2, T3*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Weiberg, R. A (2007). *The biology of Cancer*. Garland Science Publishing House, Michigan, USA.